

Việt Nam chào đón Tân Thủ tướng kỹ trị đầu tiên với nền tảng học vấn từ một nền kinh tế phát triển

Phạm Vũ Thăng Long
Giám Đốc Cấp Cao, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

Lê Trần Thu Hằng
Chuyên viên, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
hang.ltthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4870

- Quốc hội khóa 16 đã bổ nhiệm Tổng Bí thư Tô Lâm làm Chủ tịch nước và cựu Thống đốc NHNN Lê Minh Hưng làm Thủ tướng. So với nhiệm kỳ trước, Chính phủ nhiệm kỳ mới tinh gọn 4 người, xuống 23 thành viên. Cơ cấu Phó Thủ tướng tăng lên 6 vị trí so với 4 trước đó.
- Số lượng đại diện Chính phủ giữa khối quân đội và công an vẫn được duy trì cân bằng, trong khi thành viên có chuyên môn về kinh tế, tài chính và khoa học/công nghệ hiện chiếm ưu thế, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế dựa trên năng suất/đổi mới sáng tạo/công nghệ từ văn kiện của Đại hội Đảng.
- Tại kỳ họp đầu tiên, Chính phủ đã nhanh chóng ưu tiên tháo gỡ các điểm nghẽn của dự án và duy trì ổn định lãi suất. Đội ngũ lãnh đạo mới ở cấp Đảng, Nhà nước và Chính phủ được kỳ vọng sẽ đặt nền móng cho giai đoạn bứt phá kinh tế sắp tới của Việt Nam.

Cơ cấu Chính phủ mới: So sánh với nhiệm kỳ Quốc hội khóa 15

Ngày 7/4/2026, Quốc hội khóa 16 đã bổ nhiệm Tổng Bí thư Tô Lâm làm Chủ tịch nước và cựu Thống đốc NHNN Lê Minh Hưng làm Thủ tướng. Cơ cấu Chính phủ được tinh gọn xuống 23 thành viên sau khi hợp nhất cấp bộ, ngành (17 Bộ ban ngành so với 22 trước đây), đồng thời tăng số lượng Phó Thủ tướng (tăng lên 6 người từ 4 người trước đó). Hồ sơ lãnh đạo nhìn chung vẫn không thay đổi với nhóm tuổi 51-60 và trình độ sau đại học tiếp tục chiếm ưu thế. Đại diện của lực lượng quân đội và công an vẫn cân bằng, trong khi các thành viên có nền tảng kinh tế và tài chính hiện chiếm hơn một nửa Chính phủ so với 22,2% trước đây, bên cạnh các chuyên gia khoa học và công nghệ. Sự thay đổi này phù hợp với [các văn kiện của Đại hội Đảng](#), trong đó nhấn mạnh đến việc nâng cao năng suất nhờ công nghệ, đổi mới & chuyển đổi số (Biểu đồ 2, 4, 5, 6, 7).

Định hướng sắp tới

Tân Thủ tướng Lê Minh Hưng đã chủ trì cuộc họp của Thường trực Đảng ủy Chính phủ và Thường trực Chính phủ vào sáng ngày 9/4, tập trung vào việc thúc đẩy các [dự án tồn đọng](#), [ổn định lãi suất cho vay và tiền gửi](#), củng cố các động lực tăng trưởng cốt lõi đồng thời đẩy mạnh cải cách cơ cấu. Đáng chú ý, khi còn là Thống đốc NHNN, với nền tảng [sau đại học](#) về Chính sách công tại Nhật Bản, đã duy trì lạm phát ổn định (bình quân 3,3%/năm trong giai đoạn 2016-2020), tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ (bình quân 14,9% trong giai đoạn 2016-2020) và tăng cường dự trữ ngoại hối (từ 28 tỷ USD năm 2015 lên 94,4 tỷ USD tại thời điểm cuối năm 2020). Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô toàn cầu ngày càng nhiều thách thức, đội ngũ lãnh đạo giai đoạn 2026-2031 đã được củng cố của Việt Nam được kỳ vọng sẽ là điểm tựa quan trọng, hỗ trợ niềm tin của NĐT, đảm bảo hiệu quả chính sách và xây dựng nền tảng cho kỷ nguyên tăng trưởng tiếp theo của Việt Nam.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 14/4.

Hình 1: Các lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước (nhiệm kỳ 2026–2031)

Ông Tô Lâm, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, đã được Quốc hội khóa XVI nhất trí bầu làm Chủ tịch nước



Nguồn: Baochinhpvu.vn, HSC

Xây dựng nền tảng cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo của Việt Nam

Quốc hội khóa 16 đã bổ nhiệm Tổng Bí thư Tô Lâm làm Chủ tịch nước và cựu Thống đốc NHNN Lê Minh Hưng làm Thủ tướng. Thành phần Chính phủ đã được tinh gọn, giảm xuống 23 vị trí (sau sáp nhập bộ ban ngành xuống 17 bộ so với 22 trong nhiệm kỳ trước), trong khi số lượng vị trí Phó Thủ tướng tăng lên (6 so với 4 trong nhiệm kỳ trước). Về cơ cấu thành phần, nhóm tuổi 51-60 tiếp tục chiếm ưu thế, và các thành viên Chính phủ có bằng sau đại học vẫn chiếm số lượng áp đảo. Đại diện của lực lượng quân đội và công an vẫn cân bằng trong Chính phủ. Cán bộ có nền tảng kinh tế và tài chính hiện chiếm hơn một nửa số thành viên Chính phủ, trong khi những cán bộ có kinh nghiệm về khoa học và công nghệ cũng tăng lên đáng kể, phản ánh tầm nhìn từ các văn kiện của Đại hội Đảng, trong đó nhấn mạnh tăng trưởng dựa trên công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thủ tướng đã nhanh chóng đưa ra định hướng chính sách ban đầu, tập trung vào giải quyết các vướng mắc trong dự án và duy trì ổn định lãi suất.

Cơ cấu Chính phủ mới: So sánh với nhiệm kỳ Quốc hội khóa 15

Ngày 7/4/2026, Quốc hội khóa 16 chính thức phê chuẩn danh sách các nhà lãnh đạo chủ chốt của Nhà nước và Chính phủ, đánh dấu một thời điểm quan trọng trong chu kỳ chính trị của Việt Nam. Việc bổ nhiệm [Tổng Bí thư Tô Lâm](#) vào vị trí Chủ tịch nước củng cố vai trò của Tổng Bí thư và Chủ tịch nước tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế, trong khi việc bổ nhiệm [ông Lê Minh Hưng, nguyên Thống đốc NHNN \(giai đoạn 2016-2020\), làm Thủ tướng Chính phủ](#), nhấn mạnh tầm quan trọng của việc quản lý kinh tế vĩ mô.

Cùng với việc bổ nhiệm các [Phó Thủ tướng và Bộ trưởng](#), những diễn biến này phản ánh nỗ lực chủ động nhằm tinh giản bộ máy chính trị, hướng tới việc tăng cường thực thi chính sách. Bên cạnh việc củng cố bộ máy lãnh đạo tập trung hơn, đội ngũ lãnh đạo mới được kỳ vọng sẽ thúc đẩy sự phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khóa, tiền tệ, những yếu tố then chốt giúp Việt Nam bước vào giai đoạn tăng trưởng tiếp theo (Biểu đồ 2).

Trong bối cảnh đó, HSC xem xét cơ cấu lãnh đạo mới ở nhiệm kỳ 2026-2031 và so sánh với nhiệm kỳ Quốc hội trước đó (2021-2026), đồng thời tìm hiểu những cơ hội và động lực mới cho quá trình hoạch định và triển khai chính sách, hỗ trợ quỹ đạo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Hình 2: Thành viên Chính phủ (nhiệm kỳ 2026-2031)

Số lượng Phó Thủ tướng tăng lên 6 người so với 4 người trong nhiệm kỳ trước, tuy nhiên số lượng bộ ban ngành giảm từ 22 xuống còn 17



Nguồn: Baochinhhphu.vn, HSC

Thủ tướng Lê Minh Hưng từng giữ chức Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giai đoạn 2016-2020, là Thống đốc trẻ nhất trong lịch sử.

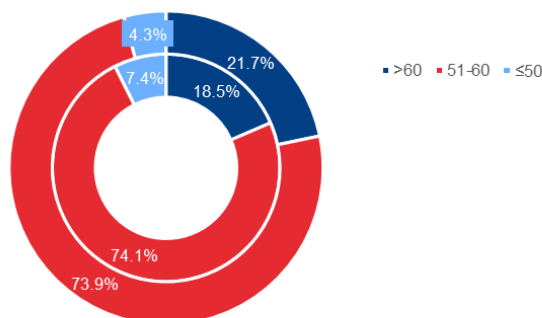


Nguồn: Baochinhphu.vn, HSC

Trước hết, sau khi hợp nhất các Bộ và cơ quan, cơ cấu Chính phủ dưới Quốc hội khóa 16 hiện nay bao gồm **14 Bộ và 3 cơ quan ngang Bộ**. Tổng số đại biểu Chính phủ do đó đã giảm 4 vị trí so với nhiệm kỳ trước, xuống 23 vị trí, phản ánh một bộ máy tổ chức tinh gọn hơn nhằm nâng cao hiệu quả hành chính. Đồng thời, số lượng Phó Thủ tướng đã tăng từ 4 vị trí lên 6 vị trí, với việc bổ sung chức vụ Phó Thủ tướng Thường trực, đánh dấu một sự thay đổi đáng kể trong cơ cấu lãnh đạo. Phạm vi công việc và trách nhiệm chính của Thủ tướng và các Phó Thủ tướng được nêu trong **Quyết định số 666/QĐ-TTg** ngày 9/4/2026.

Đối với cơ cấu độ tuổi của Chính phủ, nhóm tuổi 51-60 tiếp tục chiếm ưu thế trong nhiệm kỳ thứ 16, chiếm 74%, tương tự như nhiệm kỳ 15. Đáng chú ý là tỷ lệ thành viên trên 60 tuổi đã tăng lên 21,7% từ 18,5% trong nhiệm kỳ trước, trong khi tỷ lệ thành viên từ 50 tuổi trở xuống giảm xuống 4,3% từ 7,4% trước đó (Biểu đồ 4).

Nhóm 51-60 tuổi tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu thành viên Chính phủ nhiệm kỳ khóa 16



Vòng ngoài: nhiệm kỳ khóa 16; vòng trong: nhiệm kỳ khóa 15

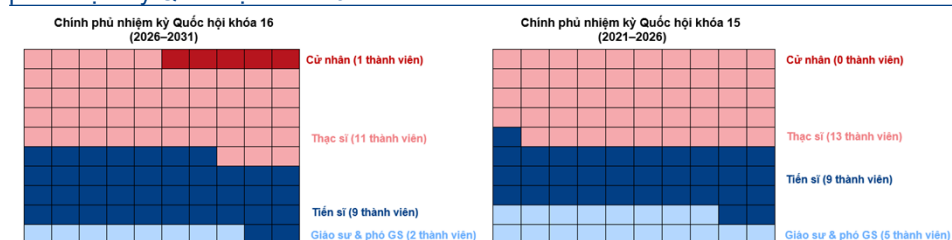
Nguồn: Baochinhphu.vn, HSC

Cơ cấu tổng thể của Chính phủ tiếp tục nghiêng mạnh về những cán bộ có trình độ sau đại học. Trong đó, cán bộ có bằng thạc sĩ vẫn là chiếm tỷ trọng lớn nhất trong nhiệm kỳ Quốc hội thứ 16, tương tự như nhiệm kỳ trước. Mặc dù những cán bộ có bằng tiến sĩ vẫn đứng thứ hai trong cả hai nhiệm kỳ nhưng tỷ lệ nhóm này đã tăng lên

trong nhiệm kỳ thứ 16 trong khi số lượng cán bộ có chức danh giáo sư và phó giáo sư so với nhiệm kỳ thứ 15 giảm xuống (Biểu đồ 5).

Biểu đồ 5: Cơ cấu Chính phủ theo trình độ học vấn

Nhóm có trình độ thạc sĩ tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu thành viên Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa 16

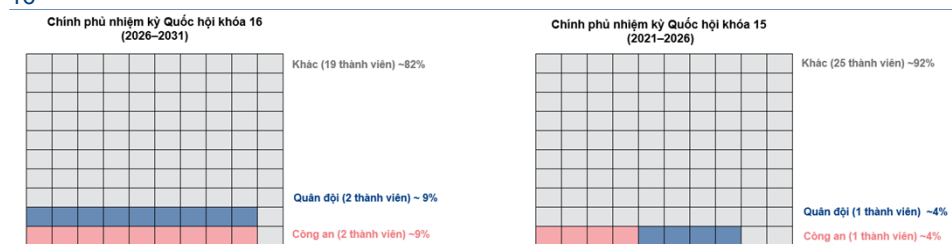


Nguồn: Baochinhphu.vn, HSC

Đối với cơ cấu giữa lực lượng quân đội và công an, tỷ trọng thành viên Chính phủ từ mỗi lực lượng trong nhiệm kỳ thứ 16 tiếp tục duy trì cân bằng, mặc dù mỗi lực lượng có thêm một thành viên so với nhiệm kỳ trước (2 thành viên cho lực lượng công an và 2 thành viên cho lực lượng quân đội).

Biểu đồ 6: Cơ cấu Chính phủ theo khối quân đội – công an

Số lượng thành viên Chính phủ đến từ mỗi khối là tương đương nhau trong nhiệm kỳ khóa 16

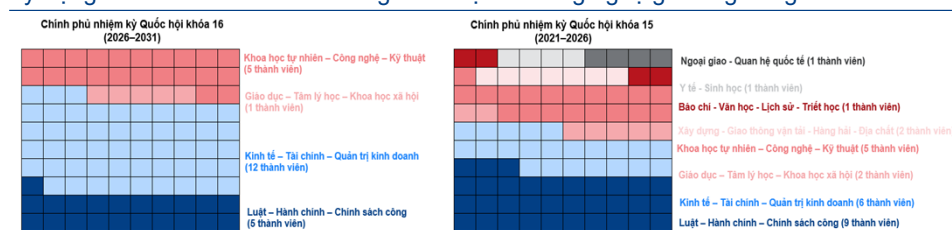


Nguồn: Baochinhphu.vn, HSC

Chúng tôi nhận thấy cơ cấu Chính Phủ ghi nhận một số thay đổi đáng chú ý về chuyên môn. Thứ nhất, các thành viên có chuyên môn về kinh tế, tài chính và quản trị doanh nghiệp hiện chiếm hơn 50% thành phần Chính phủ, tăng hơn hai lần so với nhiệm kỳ 15. Ngoài ra, những cán bộ có chuyên môn về khoa học, công nghệ và kỹ thuật chiếm 21,7% trong nhiệm kỳ 16, tăng từ 18,5% trước đó. Chúng tôi tin rằng sự thay đổi này phù hợp chặt chẽ với mô hình tăng trưởng mới theo [các văn kiện Đại hội Đảng](#), tập trung vào tăng trưởng dựa trên năng suất thông qua thúc đẩy đổi mới công nghệ và chuyển đổi số (Biểu đồ 7).

Biểu đồ 7: Cơ cấu Chính phủ theo nền tảng chuyên môn

Tỷ trọng các thành viên có nền tảng khoa học và công nghệ gia tăng đáng kể



Nguồn: Baochinhphu.vn, HSC

Định hướng sắp tới

Tại [cuộc họp đầu tiên của Thường trực Đảng ủy Chính phủ và Thường trực Chính phủ vào ngày 9/4/2026](#), Thủ tướng và các thành viên đã thảo luận về một số biện pháp chính sách, tập trung vào việc nhanh chóng giải quyết các vướng mắc đối với các dự án bị trì hoãn lâu dài, đồng thời chỉ đạo hệ thống ngân hàng duy trì điều kiện lãi suất ổn định đối với cả lãi suất tiền gửi & cho vay. Thủ tướng cũng đã vạch ra các

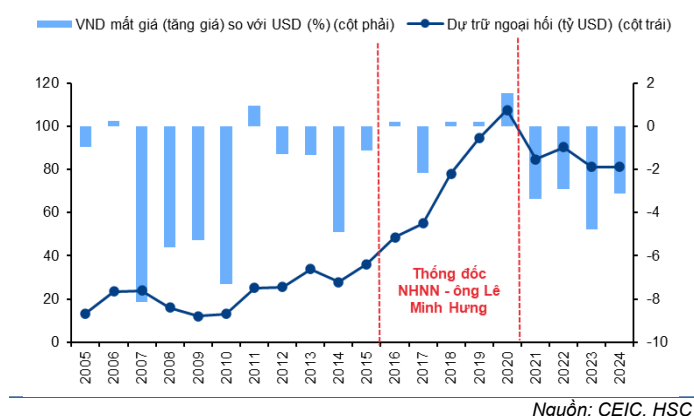
ưu tiên chính trong giai đoạn này, bao gồm huy động hiệu quả hơn các động lực tăng trưởng truyền thống như đầu tư, tiêu dùng & xuất khẩu, cùng với việc đẩy nhanh quá trình tái cấu trúc kinh tế và thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế mới.

Nhìn lại nhiệm kỳ của ông Lê Minh Hưng trên cương vị Thống đốc NHNN giai đoạn 2016-2020, Thủ tướng đã chứng minh được thành tích vững chắc trong việc quản lý kinh tế vĩ mô nhờ sự kết hợp giữa thiên thời, địa lợi, nhân hòa, trong đó chỉ số CPI bình quân được duy trì ở mức 3,3%/năm, tăng trưởng tín dụng đạt bình quân 14,9%/năm trong giai đoạn 2016-2020 (tăng trưởng 15,9%/năm nếu loại trừ năm 2020, năm đầu tiên chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19) và dự trữ ngoại hối tăng mạnh lên 94 tỷ USD vào năm 2020 từ 28 tỷ USD vào năm 2015 (Biểu đồ 8, 9, 10, 11).

Việt Nam hoàn thành các mục tiêu tăng trưởng quan trọng trong giai đoạn mới sẽ không chỉ phụ thuộc hoàn toàn vào năng lực lãnh đạo mà còn vào sự hợp tác của các điều kiện trong và ngoài nước. Điểm đáng chú ý ở thời điểm hiện tại là Việt Nam đã chính thức củng cố bộ máy lãnh đạo cho giai đoạn 2026- 2031. Sự rõ ràng này được kỳ vọng sẽ củng cố niềm tin của nhà đầu tư, thúc đẩy dòng vốn đổ vào, đồng thời nâng cao hiệu quả và tính đồng bộ trong điều hành chính sách, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn bứt phá sắp tới của nền kinh tế Việt Nam.

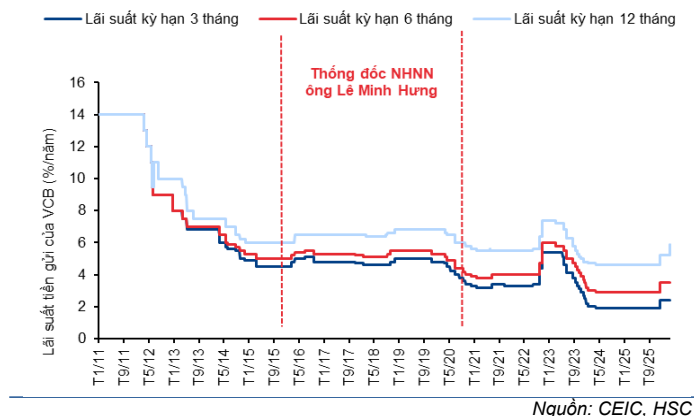
Biểu đồ 8: Tỷ giá USD/VND và dự trữ ngoại hối

Trong thời gian Thủ tướng giữ chức Thống đốc NHNN, dự trữ ngoại hối đã tăng từ 28 tỷ USD năm 2015 (trước nhiệm kỳ) lên 94 tỷ USD vào năm 2020, năm cuối nhiệm kỳ



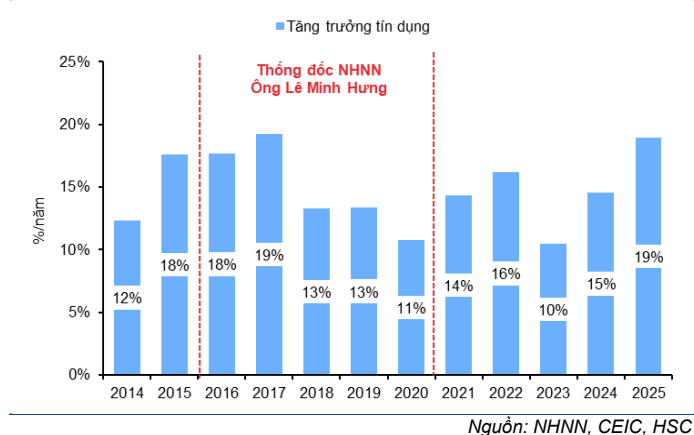
Biểu đồ 9: Lãi suất tiền gửi của VCB theo các kỳ hạn 3 tháng, 6 tháng và 12 tháng

Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của VCB đạt 6,5%/năm trong giai đoạn 2016-2020



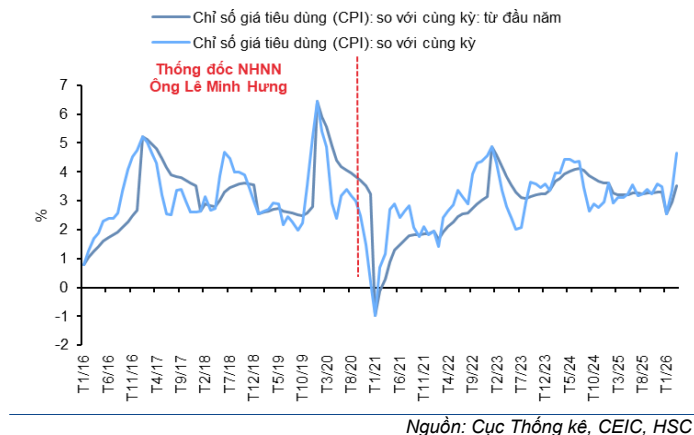
Biểu đồ 10: Tăng trưởng tín dụng của Việt Nam (%/năm)

Tăng trưởng tín dụng đạt bình quân 14,9%/năm trong giai đoạn ông Lê Minh Hưng giữ chức Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (2016-2020),...



Biểu đồ 11: CPI tổng thể của Việt Nam

... trong khi CPI được duy trì ở mức 3,3% so với cùng kỳ



Bảng 12: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025E	2026F	2027F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,300	27,000	27,500
Tỷ giá (VND: CNY)	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,491	3,761	3,885	3,929
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.36	2.87	2.55	8.54	4.98	7.04	8.02	7.60	8.00
GDP (tỷ USD)	332	346	370	411	433	476	514	546	584
GDP bình quân đầu người (USD)	3,398	3,558	3,757	4,132	4,317	4,702	5,026	5,293	5,610
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.51	5.48	3.70	3.30	3.42
Nợ công/GDP (%)	42.8	43.8	44.7	37.4	36.9	37.0	36.8	37.2	38.5
Nợ Chính phủ/GDP (%)	37.4	38.5	39.6	34.7	33.3	33.0	33.2	34.0	35.6
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.09	2.71	2.55	3.08	2.85	3.47	3.60	4.23	5.02
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	106	115	124	125	133	136	145	149	154
FDI giải ngân / FDI (%)	6.1	5.8	5.3	5.4	5.4	5.3	5.4	5.4	5.3
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.15	2.37	3.56	2.32	2.26	2.22	2.22	2.60	2.50
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.3	4.3	4.0
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	2.9	3.5	4.6	4.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	1.8	4.0	4.0
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	13.6	12.2	13.6	14.2	13.8	15.1	19.0	15.0	15.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	17,915	20,781	23,586	26,770
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	12.0	16.0	13.5	13.5
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	79	95	107	85	90	81	83	85	90
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	4.6	5.2	5.5	5.8
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.3	3.5	3.6
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.8	4.2	4.3
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.9	20.0	19.4	23.9
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	26.1	19.0	18.0	20.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	253	263	333	360	326	381	455	495	544
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	16.7	19.4	8.7	10.0
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	264	283	336	372	355	406	475	514	568
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.4	17.0	8.2	10.5
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	123	129	140	149	142	155	169	179	184
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.9	37.3	37.7	36.2	32.7	32.6	32.8	32.8	32.8
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.4	27.6	29.2	31.1
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	38.0	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	38.4	40.4	44.5
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	53.8	50.0	51.0
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	10.1	7.0	7.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.2	10.9	7.5	8.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo hàng năm (%)	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	9.8	10.5	7.0	9.5
Doanh số bán lẻ danh nghĩa hàng năm (%)	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9.0	9.2	11.0	12.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP.HCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn